TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST
Ngày: 19-5-2020
V/v " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Lê Thị Thùy Hương**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Ông Lương Công Tiên;**

Ông Nguyễn Việt Thành;

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thùy Dương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty P

Trụ sở: phường B, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1982; Trú tại ấp H, xã S, huyện C, tỉnh T theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019; Có mặt.

2.Bị đơn: Công ty L

Trụ sở: đường L, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ; Đại diện theo pháp luật: Ông Lý Công T – Giám đốc; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/11/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Xuân Hương trình bày:*

Công ty P(Gọi tắt là công ty P) và Công ty L(Gọi tắt là công ty L) có ký kết hợp đồng mua bán thiết bị điện, điện lạnh, vật liệu xây dựng. Hai bên đã tiến hành ký kết các hợp đồng mua bán như sau: Hợp đồng Duyanhpro-LCT/HĐ-122017-02 ngày 12/12/2017 ; Hợp đồng Duyanhpro-LCT/HĐ-012018-01 ngày 22/01/2018. Đến ngày 01/02/2018 bị đơn tiếp tục mua hàng và ký biên bản giao nhận số 01.2018/09-046 với số tiền 14.696.960 đồng. Vào ngày 30/9/2018 bị đơn đã xác nhận công nợ với nguyên đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 233.827.261 đồng(Trong đó nợ gốc là 190.524.370 đồng và nợ lãi 43.302.891 đồng), từ thời điểm đó thì bị đơn ngưng thanh toán. Đại diện nguyên đơn trình bày rằng nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán tiền hàng là 3,5%/tháng, bị đơn vẫn kéo dài thời hạn trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đòi nợ. Đến tháng 4/2019 thì bị đơn có thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền 109.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 233.827.261 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2018 và tính lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời cấn trừ số tiền 109.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn.

Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng đại diện theo pháp luật bị đơn vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy trình bày quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn công ty P khởi kiện bị đơn công ty L, yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa giữa hai

doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại phường A, quận B, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào các quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập phía bị đơn nhiều lần nhưng không triệu tập được người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo kết quả trả lời của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ: Bị đơn vẫn còn đăng ký kinh doanh tại địa chỉ phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành niêm yết theo thủ tục chung để xét xử vụ án. Đây là phiên tòa xét xử lần thứ 2 phía bị đơn vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 179, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn và trên cơ sở đối chiếu các hợp đồng mua bán hàng hóa, các hóa đơn giá trị gia tăng giữa hai công ty thì Hội đồng xét xử xác định: Vào các năm 2017, năm 2018 công ty L có ký kết các hợp đồng mua vật liệu xây dựng, thiết bị điện lạnh với công ty P. Tại hợp đồng Duyanhpro-LCT/HĐ-122017-02 ngày 12/12/2017 với giá trị hợp đồng là 117.641.040 đồng. Tại hợp đồng hợp đồng Duyanhpro-LCT/HĐ-012018-01 ngày 22/01/2018 với giá trị hợp đồng là 58.186.370 đồng. Hai bên thỏa thuận giao hàng tại kho của bên mua; bị đơn phải thanh toán 100% trong vòng 50 ngày sau khi nhận đủ hàng.Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho nguyên đơn. Tại biên bản giao nhận – kiêm xuất kho – nghiệm thu ngày 01/2/2018 bị đơn nhận số hàng với tổng số tiền 14.696.960 đồng.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2018 có xác nhận nợ của công ty L thì đến ngày 30/9/2018 bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 233.827.261đồng, trong đó nợ gốc là 190.524.370 đồng và lãi chậm trả 43.302.891đồng. Như vậy bị đơn đã thống nhất khoản nợ 233.827.261đồng với nguyên đơn. Từ thời điểm bị đơn xác nhận nợ đến nay mà bị đơn không thanh toán hết nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều khoản thanh toán Điều 4 trong các hợp đồng ký kết. Do đó yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính lãi: Căn cứ vào quy định của Điều 306 Luật thương mại thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1.66%/tháng, lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó số tiền lãi tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19 tháng là:

233.827.261 đồng X 19 tháng X 1.66%/tháng = 73.749.118 đồng

Tổng gốc và lãi là: 233.827.261 đồng + 73.749.118 đồng = 307.576.379 đồng

Tuy nhiên, bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn số tiền 109.000.000 đồng nên được cấn trừ vào số tiền 307.576.379 đồng. Do đó số tiền còn lại bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là:

307.576.379 đồng - 109.000.000 đồng = 198.576.379 đồng.

Trong đó nợ gốc là 190.524.370 đồng và nợ lãi 8.052.009 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Về án phí kinh doanh sơ thẩm*:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 24; Điều 50; Điều 306 của Luật Thương mại;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty P đối với bị đơn Công ty L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty L có trách nhiệm trả cho công ty P số tiền 198.576.379(Một trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi chín) đồng (Trong đó nợ gốc là 190.524.370 đồng và nợ lãi là 8.052.009 đồng).

Về thời gian và phương thức trả nợ: Do Cơ quan thi hành án dân sự quận Bình Thủy giải quyết theo thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm là 9.928.818(Chín triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm mười tám) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.606.694 đồng theo biên lai thu số 004146 ngày 05/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(Ngày 19/5/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương